

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ
SÓC TRĂNG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	13 - 36
8. Phụ lục 01	37

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 1505/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Sóc Trăng thành công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200177456, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 7 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 06 tháng 7 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp.

Ngày 30 tháng 4 năm 2019, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là USD.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
- Điện thoại : 0299 3822354 – 0299 3825900
- Fax : 0299 3822354 – 0299 3825900

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Môi trường	170 Mạc Đĩnh Chi, khóm 4, phường 9, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp Chiếu sáng Công cộng	170 Mạc Đĩnh Chi, khóm 4, phường 9, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp Công viên Cây xanh	442 Bạch Đằng, phường 9, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp Thoát nước	25 Cao Thắng, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp Liên hợp xử lý chất thải rắn	xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên và xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng
Ban quản trang An viên Thiên Đường	ấp Phú Ninh, xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng
Cửa hàng Xăng dầu Đô thị	170A Mạc Đĩnh Chi, khóm 4, phường 9, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ vệ sinh môi trường; Chiếu sáng công cộng; Xây dựng, duy tu, bảo dưỡng công trình đường bộ, hạ tầng kỹ thuật, đô thị, nghĩa trang, nghĩa địa; Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan; Trồng cây xanh, hoa kiểng; Bán buôn hoa, chậu kiểng và cây xanh; Xử lý rác thải không độc hại và độc hại; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước và xử lý nước thải; Bán buôn xăng, dầu và các sản phẩm liên quan.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Lâm Hữu Tùng	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023
Ông Đào Mạnh Hùng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023
Ông Hồ Thống Nhất	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023
Ông Đậu Đức Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023
Bà Lâm Xuân Mai	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Võ Thị Phương Ngân	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023
Bà Huỳnh Thị Thùy Trang	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023
Bà Nguyễn Hoàng Lan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đậu Đức Hiền	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2020
Ông Phùng Thanh Tâm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2022
Ông Hồ Thống Nhất	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2023
Bà Đặng Hồng Nghi	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2023

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Lâm Hữu Tùng	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023
Ông Đậu Đức Hiền	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2020

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

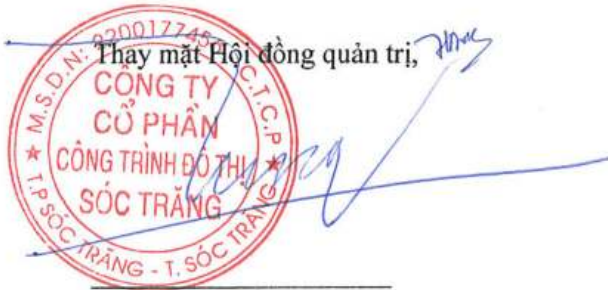
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Lâm Hữu Tùng
Chủ tịch

Ngày 17 tháng 02 năm 2025

Số: 4.0047/25/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 17 tháng 02 năm 2025, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**Chi nhánh Cần Thơ****Nguyễn Hữu Danh****Thành viên Ban Giám đốc**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1242-2023-008-1

Người được ủy quyền

Nguyễn Hữu Nghi**Kiểm toán viên**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3132-2025-008-1

TP. Cần Thơ, ngày 17 tháng 02 năm 2025

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd. trading as Baker Tilly A&C is a member of the global network of Baker Tilly International Ltd., the members of which are separate and independent legal entities

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		156.902.616.337	139.605.574.762
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	15.833.824.924	12.273.715.192
1. Tiền	111		15.833.824.924	12.273.715.192
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		7.900.000.000	7.900.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	7.900.000.000	7.900.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		96.785.690.946	81.825.302.419
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	76.287.038.964	64.019.692.067
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	15.191.190.484	14.638.090.697
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	7.380.724.614	5.240.783.298
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(2.073.263.116)	(2.073.263.643)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		35.171.946.456	36.469.599.640
1. Hàng tồn kho	141	V.7	35.171.946.456	36.469.599.640
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.211.154.011	1.136.957.511
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	990.189.476	1.136.957.511
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	220.964.535	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		45.563.197.485	54.960.144.386
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.092.102.999	89.876.700
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	1.092.102.999	89.876.700
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		39.970.921.538	49.695.947.251
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	39.970.921.538	49.658.169.467
- Nguyên giá	222		113.867.699.644	113.689.089.941
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(73.896.778.106)	(64.030.920.474)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	37.777.784
- Nguyên giá	228		170.000.000	170.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(170.000.000)	(132.222.216)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.500.172.948	5.174.320.435
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	4.500.172.948	5.174.320.435
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		202.465.813.822	194.565.719.148

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		121.443.956.425	114.313.987.136
I. Nợ ngắn hạn	310		120.973.544.289	109.956.864.370
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	18.923.210.748	16.741.707.312
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	18.202.776.888	15.130.210.243
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	7.456.230.444	5.428.554.374
4. Phải trả người lao động	314	V.14	7.531.306.217	6.076.269.763
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	277.584.426	942.760.901
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	3.722.198.557	2.986.327.126
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	23.777.110.688	20.325.591.422
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	27.862.220.467	33.016.067.552
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19	2.919.768.948	2.182.316.848
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	10.301.136.906	7.127.058.829
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		470.412.136	4.357.122.766
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	470.412.136	4.357.122.766
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		81.021.857.397	80.251.732.012
I. Vốn chủ sở hữu	410		81.021.857.397	80.251.732.012
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21a	56.000.000.000	56.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.000.000.000	56.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21a	6.749.460.725	5.719.646.509
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.21a	5.374.534.805	4.344.720.589
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21a	12.897.861.867	14.187.364.914
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.498.280.598	14.187.364.914
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		10.399.581.269	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		202.465.813.822	194.565.719.148

Sóc Trăng, ngày 17 tháng 02 năm 2025

Thạch Bảo Vi
Người lậpTrần Hải Đăng
Kế toán trưởngĐậu Đức Hiền
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	216.960.655.465	192.345.665.221
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		216.960.655.465	192.345.665.221
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	168.392.899.131	145.835.093.856
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		48.567.756.334	46.510.571.365
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	392.627.859	385.991.916
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.764.589.253	3.340.441.172
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.728.501.692	2.684.982.903
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	707.937.731	832.868.928
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	21.859.161.344	20.833.679.675
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23.628.695.865	21.889.573.506
12. Thu nhập khác	31	VI.7	1.933.112.324	1.857.853.197
13. Chi phí khác	32	VI.8	2.110.419.905	1.856.253.362
14. Lợi nhuận khác	40		(177.307.581)	1.599.835
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23.451.388.284	21.891.173.341
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	3.305.807.015	2.720.889.025
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		20.145.581.269	19.170.284.316
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		20.145.581.269	19.170.284.316
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a, b	2.308	2.309
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9a, b	2.308	2.309

Thạch Bảo Vi
Người lậpTrần Hải Đăng
Kế toán trưởng

Sóc Trăng, ngày 17 tháng 02 năm 2025

Đậu Đức Hiền
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		228.369.162.809	192.988.509.555
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(148.928.441.207)	(125.510.802.173)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(36.207.811.077)	(34.402.804.988)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	V.15, VI.4	(2.761.586.142)	(2.655.545.362)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.13	(2.896.259.565)	(949.123.862)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		46.182.274.333	36.496.386.291
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(61.044.621.879)	(49.358.434.006)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		22.712.717.272	16.608.185.455
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9	(399.209.703)	(1.292.356.455)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	88.725.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a, VI.3	316.865.753	395.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(82.343.950)	(808.631.455)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18a	70.594.955.494	60.340.918.235
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18a	(79.596.636.184)	(63.505.327.155)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.17, V.21a	(10.068.582.900)	(11.946.658.175)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(19.070.263.590)	(15.111.067.095)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		3.560.109.732	688.486.905
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	12.273.715.192	11.585.228.287
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	15.833.824.924	12.273.715.192

Sóc Trăng, ngày 17 tháng 02 năm 2025

Thạch Bảo Vi
Người lập**Trần Hải Đăng**
Kế toán trưởng**Đậu Đức Hiền**
Tổng Giám đốc

TỈNH HỒI

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ và thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ vệ sinh môi trường; Chiếu sáng công cộng; Xây dựng, duy tu, bảo dưỡng công trình đường bộ, hạ tầng kỹ thuật, đô thị, nghĩa trang, nghĩa địa; Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan; Trồng cây xanh, hoa kiểng; Bán buôn hoa, chậu kiểng và cây xanh; Xử lý rác thải không độc hại và độc hại; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước và xử lý nước thải; Bán buôn xăng, dầu và các sản phẩm liên quan.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 02 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Danh sách các công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Vĩnh Châu	Số 30 Phan Thanh Giản, phường 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng	Dịch vụ vệ sinh môi trường; Xây dựng, duy tu, bảo dưỡng công trình đường bộ, hạ tầng kỹ thuật, đô thị, nghĩa trang, nghĩa địa; Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Cơ khí - Xây dựng Đô thị Sóc Trăng	Số 67 Phạm Hùng, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	Xây dựng, duy tu, bảo dưỡng công trình đường bộ, hạ tầng kỹ thuật, đô thị, nghĩa trang, nghĩa địa	100%	100%	100%	100%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 364 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 357 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ vay ngân hàng: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.

4. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa tài sản cố định và giá trị lợi thế kinh doanh. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian được bảo hiểm.

Giá trị lợi thế kinh doanh

Giá trị lợi thế kinh doanh của Công ty mẹ được xác định căn cứ vào Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Giá trị lợi thế kinh doanh này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 45
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10

Ngoài ra, một số máy móc và thiết bị là máy mài gạch, máy ép gạch được khấu hao theo phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm.

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn chỉ gồm chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn bao gồm:

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 5% trên doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ

Việc trích trước chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định theo định kỳ được căn cứ vào kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí. Nếu chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty mẹ.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm, hàng hóa như người sở hữu sản phẩm, hàng hóa hoặc quyền kiểm soát sản phẩm, hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ gồm thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	4.951.303.644	6.151.930.092
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.882.521.280	6.121.785.100
Cộng	15.833.824.924	12.273.715.192

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn chỉ gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng	7.900.000.000	7.900.000.000	7.900.000.000	7.900.000.000
Cộng	7.900.000.000	7.900.000.000	7.900.000.000	7.900.000.000

Toàn bộ khoản tiền gửi có kỳ hạn đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng (xem thuyết minh V.18a).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng	27.644.151.988	21.275.018.441
Phòng Quản lý Đô thị thành phố Sóc Trăng	19.410.921.946	9.702.363.733
Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Vĩnh Châu	1.401.353.410	2.208.862.528
Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Mỹ Xuyên	4.648.379.616	6.441.061.343
Các khách hàng khác	23.182.232.004	24.392.386.022
Cộng	76.287.038.964	64.019.692.067

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Dũ Phong	3.469.000.000	3.469.000.000
Văn phòng CES Miền nam Việt Nam	3.462.062.324	3.462.062.324
Fichtner Water & Transportation GMBH	2.736.865.685	2.736.865.685
Ban Quản lý dự án thoát nước	1.512.151.843	1.512.151.843
Công ty Cổ phần Hà Đô 1	1.500.000.000	1.500.000.000
Các nhà cung cấp khác	2.511.110.632	1.958.010.845
Cộng	15.191.190.484	14.638.090.697

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	5.835.825.294	-	4.346.139.382	-
Các khoản ký cược, ký quỹ	1.327.291.727	-	692.814.107	-
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	89.172.603	-	89.172.603	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	128.434.990	-	112.657.206	-
Cộng	7.380.724.614	-	5.240.783.298	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Là các khoản ký cược, ký quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Nợ xấu**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Ủy ban nhân dân phường 2 - Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	Trên 03 năm	95.890.000	-	Trên 03 năm	95.890.000	-
Phòng Kinh tế và hạ tầng huyện Trần Đề - Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	Trên 03 năm	202.182.960	-	Trên 03 năm	202.182.960	-
Ban quản lý dự án tỉnh Sóc Trăng - Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	Trên 03 năm	306.491.484	-	Trên 03 năm	306.491.484	-
Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng - Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	Trên 03 năm	1.198.546.782	-	Trên 03 năm	1.198.546.782	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Trên 03 năm	270.151.890	-	Trên 03 năm	270.152.417	-
Cộng		2.073.263.116	-		2.073.263.643	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.073.263.643	2.156.263.643
Hoàn nhập dự phòng	(527)	(83.000.000)
Số cuối năm	2.073.263.116	2.073.263.643

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.046.011.858	-	1.605.345.703	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	31.592.422.549	-	32.491.353.827	-
Thành phẩm	400.804.313	-	534.113.449	-
Hàng hóa	1.132.707.736	-	1.838.786.661	-
Cộng	35.171.946.456	-	36.469.599.640	-

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	83.310.540	59.565.203
Chi phí bảo hiểm	344.503.507	387.612.955
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	562.375.429	689.779.353
Cộng	990.189.476	1.136.957.511

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	474.073.747	412.693.999
Giá trị lợi thế kinh doanh	2.313.933.719	3.085.244.963
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	425.496.611	174.174.705
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.286.668.871	1.502.206.768
Cộng	4.500.172.948	5.174.320.435

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	26.024.065.039	24.168.061.000	63.275.963.902	221.000.000	113.689.089.941
Mua trong năm	65.280.000	-	333.929.703	-	399.209.703
Thanh lý, nhượng bán	(220.600.000)	-	-	-	(220.600.000)
Số cuối năm	25.868.745.039	24.168.061.000	63.609.893.605	221.000.000	113.867.699.644
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	805.972.727	15.889.630.439	-	16.695.603.166
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	8.161.658.827	14.257.627.546	41.532.850.771	78.783.330	64.030.920.474
Khấu hao trong năm	863.156.036	3.387.287.798	5.634.687.154	32.199.996	9.917.330.984
Thanh lý, nhượng bán	(51.473.352)	-	-	-	(51.473.352)
Số cuối năm	8.973.341.511	17.644.915.344	47.167.537.925	110.983.326	73.896.778.106
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	17.862.406.212	9.910.433.454	21.743.113.131	142.216.670	49.658.169.467
Số cuối năm	16.895.403.528	6.523.145.656	16.442.355.680	110.016.674	39.970.921.538
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 18.280.963.995 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng (xem thuyết minh V.18a và V.18b).

10. Tài sản cố định vô hình

	Chương trình phần mềm máy tính
Nguyên giá	
Số đầu năm	170.000.000
Số cuối năm	170.000.000
<i>Trong đó:</i>	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	170.000.000
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	132.222.216
Khấu hao trong năm	37.777.784
Số cuối năm	170.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Chương trình phần mềm máy tính
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	37.777.784
Số cuối năm	-

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH ST Nhật Thy	905.754.300	1.557.158.000
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng PTP	1.975.440.988	2.157.608.500
Công ty TNHH Trịnh Văn Chuyển	5.046.597.618	3.738.515.045
Các nhà cung cấp khác	10.995.417.842	9.288.425.767
Cộng	18.923.210.748	16.741.707.312

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng	14.206.318.366	14.206.318.366
Các khách hàng khác	3.996.458.522	923.891.877
Cộng	18.202.776.888	15.130.210.243

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.784.703.090	-	17.970.578.908	(16.302.602.447)	4.452.679.551	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.533.402.748	-	3.305.807.015	(2.896.259.565)	2.942.950.198	-
Thuế thu nhập cá nhân	110.448.536	-	833.273.965	(1.104.086.341)	60.600.695	220.964.535
Thuế nhà đất	-	-	3.228.607	(3.228.607)	-	-
Tiền thuế đất	-	-	273.233.518	(273.233.518)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	13.226.000	(13.226.000)	-	-
Cộng	5.428.554.374	-	22.399.348.013	(20.592.636.478)	7.456.230.444	220.964.535

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ cải tạo kênh mương	5%
- Thành phẩm, hàng hóa	10%
- Dịch vụ công ích (môi trường, thoát nước), thu gom, xử lý rác thải và dịch vụ khác	10%
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan, chiếu sáng công cộng, bán mộ phần	Không chịu thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 1, Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ.

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 1, Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 59121000050 ngày 21 tháng 7 năm 2008 do Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động thoát nước và xử lý nước thải với thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm 2024 là năm thứ 07 Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động xử lý chất thải rắn của dự án đầu tư khu liên hiệp xử lý chất thải rắn với thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm 2024 là năm thứ 04 Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Thu nhập từ các hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn và xử lý nước thải phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10%.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Vĩnh Châu

Công ty xác định ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động kinh doanh trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm 2024 là năm thứ 02 Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Công ty TNHH MTV Cơ khí – Xây dựng Đô thị Sóc Trăng

Công ty xác định ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động kinh doanh trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn với thuế suất 17% kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo. Năm 2024 là năm thứ 03 Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm của các công ty trong Tập đoàn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng	3.065.205.188	2.554.574.883
Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Vĩnh Châu	159.324.815	110.262.371
Công ty TNHH MTV Cơ khí – Xây dựng Đô thị Sóc Trăng	81.277.012	56.051.771
Cộng	3.305.807.015	2.720.889.025

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Tiền thuê đất

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

Vị trí đất	Diện tích (m ²)	Mức tiền thuê (VND/m ² /năm)
- Số 422, Quốc lộ 1A, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	1.934	111.360
	1.014,4	55.680
- Xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú và xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên	7.706,8	2.250
	17.972,9	1.125
	226.496,3	1.000
- Đường Mạc Đĩnh Chi, khóm 1, phường 9, thành phố Sóc Trăng	286,7	240.000
- Đường Mạc Đĩnh Chi, khóm 1, phường 9, thành phố Sóc Trăng	266,3	140.000
- Đường Cao Thắng, phường 8, thành phố Sóc Trăng	11.999,7	16.000
	15.999,6	8.000
	36.110,6	4.000
- Đường Bạch Đằng, phường 9, thành phố Sóc Trăng	3.151,7	5.040
	4.860,4	3.360
	16.646,5	1.400
- Khóm 1, phường 1, thị xã Vĩnh Châu	599,8	8.750

Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**14. Phải trả người lao động**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lương phải trả	7.531.306.217	6.076.269.763
Cộng	7.531.306.217	6.076.269.763

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	126.483.269	177.087.928
Phí bảo vệ môi trường đối với nước xả thải	43.267.824	97.008.973
Chi phí đồng phục và bảo hộ lao động	107.833.333	668.664.000
Cộng	277.584.426	942.760.901

16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thu trước về dịch vụ chăm sóc, bảo quản huyết mố	3.722.198.557	2.986.327.126
Cộng	3.722.198.557	2.986.327.126

17. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí chờ quyết toán nhà máy xử lý chất thải rắn	330.984.433	330.984.433
Cổ tức phải trả	23.173.655	11.756.555
Tài sản nhận bàn giao nhà máy xử lý chất thải rắn	9.018.386.297	9.018.386.297
Tiền thu hộ dịch vụ thoát nước thải	7.869.691.108	7.869.738.184
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	6.534.875.195	3.094.725.953
Cộng	23.777.110.688	20.325.591.422

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18. Vay**18a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	24.070.070.064	29.048.070.551
- Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng ⁽ⁱ⁾	24.070.070.064	26.967.977.551
- Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng ⁽ⁱⁱ⁾	-	2.080.093.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	3.792.150.403	3.967.997.001
Cộng	27.862.220.467	33.016.067.552

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng chi tiết như sau:
 Công ty mẹ: vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh dịch vụ vệ sinh môi trường; quản lý, duy tu, bảo dưỡng hệ thống thoát nước công cộng... với lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ và thời

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

hạn tối đa 06 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ khoản tiền gửi có kỳ hạn và tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.2 và V.9).

Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Vĩnh Châu: vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh của Công ty với lãi suất theo từng giấy nợ, thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.9).

Công ty TNHH MTV Cơ khí – Xây dựng Đô thị Sóc Trăng: vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh của Công ty với lãi suất theo từng giấy nợ, thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.9).

Chi tiết phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	29.048.070.551	70.594.949.494	-	(75.572.949.981)	-	24.070.070.064
Vay dài hạn đến hạn trả	3.967.997.001	-	3.865.194.421	(4.023.680.203)	(17.360.816)	3.792.150.403
Cộng	33.016.067.552	70.594.949.494	3.865.194.421	(79.596.630.184)	(17.360.816)	27.862.220.467

18b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	470.412.136	4.357.122.766
- Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Cần Thơ ⁽ⁱ⁾	470.412.136	4.286.498.784
- Vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sóc Trăng	-	70.623.982
Cộng	470.412.136	4.357.122.766

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay vốn ODA của Công ty mẹ thông qua Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Cần Thơ (tên cũ là Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Sóc Trăng) để thanh toán các chi phí đầu tư xây dựng công trình nhà máy xử lý chất thải rắn thành phố Sóc Trăng và các vùng lân cận thuộc tỉnh Sóc Trăng với lãi suất ở mức 0%/năm tính trên số dư nợ thực tế (đã bao gồm cả phí cho vay lại 0,2%/năm), thời hạn 14 năm kể từ ngày ký Hiệp định vay nước ngoài (21/12/2012), thời gian ân hạn là 04 năm. Số tiền vay được hoàn trả hàng 06 tháng một lần vào ngày 25/6 và 25/12. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.9).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	3.792.150.403	3.967.997.001
Trên 01 năm đến 05 năm	470.412.136	4.357.122.766
Cộng	4.262.562.539	8.325.119.767

Chi tiết phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số đầu năm	4.357.122.766
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(3.865.194.421)
Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	(21.516.209)
Số cuối năm	470.412.136

18c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

19. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng do trích lập trong năm	Số sử dụng trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Số cuối năm
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	-	192.689.650	-	-	192.689.650
Dự phòng chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ	2.182.316.848	2.709.836.707	(1.932.637.039)	(232.437.218)	2.727.079.298
Cộng	2.182.316.848	2.902.526.357	(1.932.637.039)	(232.437.218)	2.919.768.948

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Tăng/(giảm) khác	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	5.453.425.690	7.316.816.112	(4.470.046.333)	(10.000.000)	8.290.195.469
Quỹ phúc lợi	750.795.257	948.825.556	(692.681.474)	10.000.000	1.016.939.339
Quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý	922.837.882	1.029.814.216	(958.650.000)	-	994.002.098
Cộng	7.127.058.829	9.295.455.884	(6.121.377.807)	-	10.301.136.906

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng	21.775.350.000	21.775.350.000
Công ty TNHH Cây xanh Công Minh	-	4.350.000.000
Công ty Cổ phần Ô tô Chuyên dùng Hiệp Hòa	10.000.000.000	10.000.000.000
Ông Lâm Hữu Tùng	11.354.650.000	11.220.650.000
Ông Trịnh Xuân Thắng	4.308.000.000	-
Các cổ đông khác	8.562.000.000	8.654.000.000
Cộng	56.000.000.000	56.000.000.000

21c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.600.000	5.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.600.000	5.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.600.000	5.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.600.000	5.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.600.000	5.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ.ĐHĐCĐ-CTĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 như sau:

	Số được phân phối	Số đã trích trong năm trước	Số trích trong năm nay
• Chia cổ tức cho các cổ đông	10.080.000.000	-	10.080.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	958.514.216	920.000.000	38.514.216
• Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	958.514.216	920.000.000	38.514.216
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.450.469.494	4.339.063.913	1.111.405.581
• Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	791.614.216	760.032.500	31.581.716

Và các công ty con đã trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành số tiền là 933.931.017 VND (trong đó tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành năm nay số tiền là 544.862.430 VND).

Ngoài ra, Công ty mẹ đã tạm trích lập các quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ.ĐHĐCĐ-CTĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 như sau:

	VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 991.300.000
• Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	: 991.300.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 6.380.310.070
• Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	: 838.227.500

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

22a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	1.166.654.310	1.073.868.950
Trên 1 năm đến 5 năm	4.666.617.240	4.295.475.800
Trên 5 năm	42.283.334.615	40.361.534.739
Cộng	48.116.606.165	45.730.879.489

Tập đoàn thuê đất dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực không quá 50 năm và đơn giá thuê đất được ổn định 05 năm và hết thời hạn ổn định, cơ quan thuế sẽ điều chỉnh lại đơn giá thuê đất áp dụng cho thời hạn tiếp theo theo quy định của Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**22b. Nợ khó đòi đã xử lý**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Dịch vụ Bảo Châu	101.700.000	101.700.000	Không khả năng thu hồi
Cộng	101.700.000	101.700.000	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	15.566.615.948	18.573.490.826
Doanh thu bán thành phẩm	1.782.450.069	2.164.046.197
Doanh thu bán mộ phần	6.568.766.857	5.475.449.645
Doanh thu cung cấp dịch vụ	193.042.822.591	166.132.678.553
Cộng	216.960.655.465	192.345.665.221

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	14.942.263.239	17.862.681.184
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.302.165.689	1.622.147.042
Giá vốn của mộ phần đã bán	4.824.407.939	4.438.776.577
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	147.324.062.264	121.911.489.053
Cộng	168.392.899.131	145.835.093.856

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	316.865.753	372.706.850
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	12.880.687	13.285.066
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	24.004.394	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	38.877.025	-
Cộng	392.627.859	385.991.916

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	2.728.501.692	2.684.982.903
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	36.087.561	155.052.774
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	500.405.495
Cộng	2.764.589.253	3.340.441.172

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	119.456.813	145.048.352
Chi phí vật liệu, bao bì	74.743.494	90.561.942
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	49.599.114	4.298.736
Chi phí khấu hao tài sản cố định	55.593.703	60.647.676
Chi phí dịch vụ mua ngoài	174.491.369	7.591.806
Các chi phí khác	234.053.238	524.720.416
Cộng	707.937.731	832.868.928

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	10.986.030.938	10.214.023.926
Chi phí vật liệu quản lý	838.614.748	1.052.312.430
Chi phí đồ dùng văn phòng	99.995.130	87.478.616
Chi phí khấu hao tài sản cố định	720.069.950	719.588.445
Thuế, phí và lệ phí	9.299.567	9.299.567
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(527)	(83.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	410.069.074	367.928.929
Các chi phí khác	8.795.082.464	8.466.047.762
Cộng	21.859.161.344	20.833.679.675

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền dịch vụ vệ sinh, dịch vụ thoát nước thải	1.879.044.423	1.748.205.983
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	33.590.885
Thu nhập khác	54.067.901	76.056.329
Cộng	1.933.112.324	1.857.853.197

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí tổ chức thu giá dịch vụ vệ sinh, dịch vụ thoát nước thải	1.889.245.925	1.855.506.348
Thuế bị phạt, bị truy thu	46.857.649	-
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	169.126.648	-
Chi phí khác	5.189.683	747.014
Cộng	2.110.419.905	1.856.253.362

9. Lãi trên cổ phiếu**9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	20.145.581.269	19.170.284.316
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(6.380.310.070)	(5.450.469.494)
Trích quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý (*)	(838.227.500)	(791.614.216)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	12.927.043.699	12.928.200.606
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	5.600.000	5.600.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.308	2.309

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	5.600.000	5.600.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.600.000	5.600.000

- (*) Quỹ khen thưởng và quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý năm nay được tạm trích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ.ĐHĐCĐ-CTĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024.

9b. Thông tin khác

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trong năm nay trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý năm trước theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ.ĐHĐCĐ-CTĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 làm cho lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước giảm từ 2.513 VND xuống 2.309 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	38.905.847.336	40.974.171.075
Chi phí nhân công	44.899.959.767	40.106.614.859
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.955.108.768	7.905.343.577
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.212.140.057	4.561.315.901
Chi phí khác	75.912.040.791	55.438.137.798
Cộng	174.885.096.719	148.985.583.210

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên Ban kiểm soát của Công ty mẹ

	Năm nay	Năm trước
Ông Lâm Hữu Tùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị	964.000.000	823.983.000
Ông Đậu Đức Hiền - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	745.100.000	688.386.000
Ông Hồ Thống Nhất - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	624.600.000	411.400.000
Ông Trần Quốc Sở - Thành viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023)	-	80.000.000
Ông Đào Mạnh Hùng - Thành viên Hội đồng quản trị	150.000.000	140.000.000
Ông Nguyễn Đức Khôi - Thành viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023)	-	156.657.000
Bà Lê Thị Hòa - Thành viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023)	-	80.000.000
Bà Lâm Xuân Mai - Thành viên Hội đồng quản trị	150.000.000	60.000.000
Bà Võ Thị Phương Ngân - Trưởng Ban kiểm soát	392.950.000	311.157.000
Bà Nguyễn Hoàng Lan - Thành viên Ban kiểm soát	24.000.000	12.000.000
Bà Trần Tuyết Nương - Thành viên Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2023)	-	12.000.000
Bà Huỳnh Thị Thùy Trang - Thành viên Ban kiểm soát	24.000.000	24.000.000
Ông Phùng Thanh Tâm - Phó Tổng Giám đốc	580.650.000	558.693.000
Bà Đặng Hồng Nghi - Phó Tổng Giám đốc	580.650.000	570.057.000
Cộng	4.235.950.000	3.928.333.000

1b. Giao dịch và số dư với bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác

Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng

Công ty Cổ phần Ô tô Chuyên dùng Hiệp Hòa

Công ty TNHH Cây xanh Công Minh

Ông Lâm Hữu Tùng

Ông Trịnh Xuân Thắng

Mối quan hệ

Cổ đông lớn

Cổ đông lớn

Cổ đông lớn (Từ ngày 28 tháng 2 năm 2024 không còn là cổ đông lớn)

Cổ đông lớn

Cổ đông lớn

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng		
Chia cổ tức	3.919.563.000	4.649.037.225
Công ty TNHH Cây xanh Công Minh		
Chia cổ tức	-	1.471.125.000
Công ty Cổ phần Ô tô Chuyên dùng Hiệp Hòa		
Chia cổ tức	1.800.000.000	2.135.000.000
Ông Lâm Hữu Tùng		
Chia cổ tức	2.043.837.000	1.909.203.775
Ông Trịnh Xuân Thắng		
Chia cổ tức	775.440.000	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Tập đoàn không có công nợ với các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là dịch vụ công ích, xử lý rác thải, dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh khác chủ yếu là bán hàng hóa và mộ phần. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1 và VI.2.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Sóc Trăng, ngày 17 tháng 02 năm 2025

Thạch Bảo Vi
Người lập

Trần Hải Đăng
Kế toán trưởng



Đậu Đức Hiền
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 422, Võ Văn Kiệt, khóm 5, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	56.000.000.000	3.287.350.346	3.287.350.346	17.577.862.327	80.152.563.019
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	19.170.284.316	19.170.284.316
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	2.432.296.163	1.057.370.243	(10.604.781.729)	(7.115.115.323)
Chia cổ tức	-	-	-	(11.956.000.000)	(11.956.000.000)
Số dư cuối năm trước	56.000.000.000	5.719.646.509	4.344.720.589	14.187.364.914	80.251.732.012
Số dư đầu năm nay	56.000.000.000	5.719.646.509	4.344.720.589	14.187.364.914	80.251.732.012
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	20.145.581.269	20.145.581.269
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	1.029.814.216	1.029.814.216	(11.355.084.316)	(9.295.455.884)
Chia cổ tức	-	-	-	(10.080.000.000)	(10.080.000.000)
Số dư cuối năm nay	56.000.000.000	6.749.460.725	5.374.534.805	12.897.861.867	81.021.857.397

Đơn vị tính: VND

Sóc Trăng, ngày 17 tháng 02 năm 2025



Trần Hải Đăng

Trần Hải Đăng
Kế toán trưởng

Đậu Đức Hiền

Đậu Đức Hiền
Tổng Giám đốc